

Bản án số: 215/2017/DS-PT

Ngày: 27 - 12 - 2017

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
góp hui”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Ông Ngô Dũng

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Bùi Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*
Ông Hồ Văn Ta – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2017/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 85/2017/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 236/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Đ, sinh năm 1963,

Cư trú: Số 575, tổ 18, ấp Q, xã X, huyện C, tỉnh An Giang – Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 1958,

Cư trú: Số 422, tổ 05, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh An Giang – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1958,

Cư trú: Số 422, tổ 05, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh An Giang – Có mặt.

- *Người kháng cáo:* người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Đ, trình bày:

Bà có làm chủ nhiều dây hội, bà Phụng và ông T có tham gia chơi hội như sau:

Dây thứ 1: Hội 1.000.000đ khai 15.01.2012 al có 27 hội viên bà P, ông T tham gia 01 phần hội hốt lần thứ 05 có châu cho bà được 19 lần thì ngưng còn lại 03 lần chưa châu cho bà với số tiền 3.000.000đ.

Dây thứ 2: Hội 1.000.000đ khai 15.4.2012 al có 29 hội viên bà P, ông T tham gia 01 phần hội, hốt lần thứ 05 châu được 16 lần thì ngưng còn lại 08 lần chưa châu với số tiền 8.000.000đ.

Dây thứ 3: Hội 1.000.000đ khai ngày 29.6.2012 al có 30 hội viên bà P, ông T tham gia 02 phần; phần thứ nhất hốt hội lần thứ 3 châu được 15 lần còn lại 12 lần không châu thì ngưng với số tiền 12.000.000đ; phần thứ hai hốt hội lần thứ 06 châu được 12 thì ngưng còn lại 12 lần chưa châu số tiền 12.000.000đ.

Dây thứ 4: Hội 5.000.000đ khai ngày 04.5.2012 al có 24 hội viên bà P, ông T tham gia 01 phần hội, hốt lần thứ 10 châu được 09 lần thì ngưng còn lại 05 lần chưa châu với số tiền 25.000.000đ.

Dây thứ 5: Hội 2.000.000đ khai ngày 29.01.2013 dl có 30 hội viên, bà Phụng vô 1 phần châu được 11 lần hội sống thì ngưng được hưởng số tiền 22.000.000đ.

Bà P, ông T thiếu tiền hội hội chết là 60.000.000đ hội trừ 22.000.000đ hội mà bà P, ông T đã châu hội sống cho bà còn lại là 38.000.000đ. Nay bà yêu cầu ông T, bà P trả cho bà 38.000.000đ tiền vốn và lãi 5%/tháng là 53.200.000đ (Thời gian từ 29.11.2014 đến 29.3.2017 al bà trả tiền lãi 28 tháng 5%/tháng) tổng cộng vốn và lãi 91.200.000đ

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy P và ông Trần Văn T trình thừa nhận có tham gia các dây hội 1.000.000đ và dây hội 5.000.000đ và dây hội 2.000.000đ như bà Đ đã trình bày. Ngày 10/02/2013 al bà có hốt hội của bà Đ làm chủ dây hội 5.000.000đ và dây hội sống 2.000.000đ châu được 22.000.000đ bà đã trừ hết phần hội chưa châu nên hiện nay bà không còn thiếu bà Đ số tiền vốn 38.000.000đ. Nay bà Đ yêu cầu bà trả vốn 38.000.000đ và 53.200.000đ tiền lãi tổng cộng 91.200.000đ bà không đồng ý.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 85/2017/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Đ.

- Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Thúy P có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đoàn Thị Đ số tiền vốn 38.000.000đồng và lãi 7.980.000 tổng cộng 45.980.000đ.

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí; lãi suất phát sinh do chậm trả; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 13/9/2017, ông Trần Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 85/2017/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền xét xử như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 06/9/2017, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng góp hội” giữa nguyên đơn Đoàn Thị Đ với bị đơn Nguyễn Thị Thúy P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn T theo bản án số 85/2017/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017. Đến ngày 13/9/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T có đơn kháng cáo bản án. Xét về thời hạn kháng cáo, người có quyền kháng cáo đã đảm bảo theo đúng qui định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên thẩm quyền giải quyết phúc thẩm thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Giữa bà Đoàn Thị Đ và vợ chồng bà Nguyễn Thị Thúy P, ông Trần Văn T cùng thống nhất có xác lập quan hệ hợp đồng góp hội với nhau. Các đương sự thống nhất về thời gian chơi hội, số lần tham gia chơi hội, số lần góp hội. Các bên chỉ tranh chấp về số tiền hội chết còn lại. Phía bà Đ cho rằng vợ chồng bà P, ông T còn thiếu tiền hội chết 38.000.000đ nhưng bà P, ông T cho rằng sau khi hót dây hội 5.000.000đ được số tiền 86.460.000đ và dây hội sống 2.000.000đ châu được 22.000.000đ nên đã trừ hết phần hội chưa châu nên hiện nay ông, bà không còn thiếu bà Đ số tiền 38.000.000đ.

Xét lời khai của bà P, ông T cho rằng không còn thiếu bà Đ số tiền 38.000.000đ là không có cơ sở. Bởi lẽ, ngoài lời khai ra phía bà Đ, ông T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình. Cụ thể, theo lời khai của các đương sự và theo các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện thì khi bà Đ làm chủ hội có lập danh sách các hội viên tham gia của từng dây hội và khi bà P, ông T hốt hội thì bà Đ có làm biên nhận để nhận tiền hội có chữ ký của bà P còn việc bà P trình bày sau khi hốt dây hội 5.000.000đồng thì bà Đ đã trừ hội chết của 03 dây hội trước với số tiền 40.000.000đồng nhưng bà P không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà Đ đã nhận lại số tiền như bà đã trình bày. Điều này thể hiện hiện bà P là người vi phạm nghĩa vụ đóng hội. Việc bà P tham gia chơi hội để phục vụ kinh tế gia đình nên án sơ thẩm buộc bà P cùng chồng là ông T phải có nghĩa vụ trả tiền hội chết cho bà Đ là có căn cứ và phù hợp với điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài lời khai ra phía ông T cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét khác mà nghĩ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

+ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 85/2017/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Ông Trần Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0014316 ngày 13/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn phòng;
- Tòa dân sự;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Linh

